

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-BYT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

Đơn vị được thông báo: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới
Mã chương: 023

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới.

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán giữa Bộ Y tế và Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới.

Bộ Y tế thông báo số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới. Số liệu thông báo cụ thể như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0	đồng
- Dự toán được giao trong năm:	380.000.000	đồng
+ Dự toán giao đầu năm:	200.000.000	đồng
+ Dự toán bổ sung trong năm:	180.000.000	đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	293.370.960	đồng
- Kinh phí quyết toán:	293.370.960	đồng
- Kinh phí giảm trong năm:	86.629.040	đồng
- Số dư kinh phí chuyển sang năm sau:		đồng
+ Kinh phí đã nhận:		đồng
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc:		đồng

(Số liệu chi tiết theo phụ lục 2c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: không có

3. Thuyết minh số liệu quyết toán (theo Biên bản xét duyệt quyết toán)

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:	48.349.448.473	đồng
- Trích lập các Quỹ:	48.349.448.473	đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương:		đồng

(Số liệu chi tiết theo phụ lục 2b đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

1.1. Về chấp hành thời hạn nộp Báo cáo quyết toán, Báo cáo tài chính: Bệnh viện đã lập và gửi Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 theo đúng thời gian quy định của Luật NSNN và Bộ Y tế.

1.2. Về các mẫu biểu Báo cáo quyết toán, Báo cáo tài chính: Báo cáo quyết toán, Báo cáo tài chính năm 2024 của Bệnh viện nộp đủ mẫu, biểu kèm theo quy định; Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán đủ số liệu và các chỉ tiêu theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Bệnh viện đã in sổ kế toán, đã ký sổ và ký đóng dấu theo quy định.

1.3. Tình hình thực hiện dự toán và ngân sách nhà nước năm 2024:

1.3.1. Về công tác lập dự toán: Bệnh viện đã lập và gửi dự toán thu, chi NSNN năm 2024 đã kèm đầy đủ thuyết minh, đánh giá tình hình thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế.

1.3.2. Tình hình thực hiện dự toán các nhiệm vụ được giao và triển khai mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, quản lý và sử dụng tài sản công:

- Đối với quyết toán các lớp chỉ đạo tuyến: Bệnh viện đã thực hiện quyết toán theo từng lớp. Bệnh viện đã lưu bằng chấm công giảng bài của giảng viên, đã thực hiện chi thanh toán bằng chuyển khoản theo đúng quy định.

- Về mua sắm tài sản, trang thiết bị và sửa chữa các hạng mục công trình: Bệnh viện thực hiện từ nguồn Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp theo phân cấp tại Quyết định 921/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

1.4. Tình hình ban hành các Quy chế: Bệnh viện đã ban hành Quy chế tập trung dân chủ cơ sở (*tuy nhiên còn chậm so với thời gian quy định*), Quy chế chỉ tiêu nội bộ theo quy định Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Quy chế sử dụng tài sản công theo Luật Quản lý sử dụng tài sản công (*tuy nhiên chưa cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành theo quy định*). Bệnh viện chưa thành lập được tổ kiểm toán nội bộ quy định tại Nghị định 50/2019/NĐ-CP ngày 21/01/2019, do chưa đủ nhân sự có chuyên ngành kiểm toán để triển khai thực hiện.

1.5. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: Kết thúc năm tài chính, đã xác định chênh lệch thu lớn hơn chi của Bệnh viện là 48.349,4 triệu đồng, Bệnh viện đã thực hiện trích lập các Quỹ theo quy định.

1.6. Giám đốc Bệnh viện, Kế toán trưởng và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm toàn diện về việc chấp hành đúng chính sách, chế độ của Nhà nước; về tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và tính hợp pháp của chứng từ kế toán theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vi phạm chế độ sử dụng ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị; người ra quyết định, người sử dụng ngân sách trực tiếp chịu trách nhiệm cá nhân về việc bồi hoàn vật chất đối với các khoản chi sai mục đích, sai chế độ.

2. Kiến nghị:

2.1. Đề nghị phản ánh bổ sung các khoản kinh phí nhận tài trợ của các tổ chức để chi hội thảo, hội nghị chuyên môn vào doanh thu tài chính của đơn vị. Xác định doanh thu bảo hiểm y tế kịp thời theo quyết toán của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

2.2. Đề nghị Bệnh viện tiếp tục thực hiện tự kiểm tra tài chính theo đúng quy định tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước” và tự kiểm toán nội bộ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định về kiểm toán nội bộ.

2.3. Đề nghị Bệnh viện rà soát, cập nhật quy chế quản lý tài sản công theo các văn bản QPPL hiện hành, xây dựng quy chế kiểm toán nội bộ theo quy định tại Nghị định số 05/2029/NĐ-CP; xây dựng quy chế Dân chủ đảm bảo nội dung và quy trình theo Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022; thường xuyên rà soát các quy định mới để cập nhật vào quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở theo dõi thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; xây dựng và ban hành định mức sử dụng vật tư, hóa chất tại các khoa phòng chuyên môn để theo dõi, quản lý.

2.4. Đề nghị Bệnh viện tiếp tục tổ chức thực hiện mua sắm vật tư, hàng hoá, tài sản đầy đủ các bước và quy trình theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật.

2.5. Đề nghị Bệnh viện căn cứ Luật Khám bệnh chữa bệnh, Luật Giá, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật và Thông tư 21/2024/TT-BYT ngày 17/11/2024 của Bộ Y tế hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ KBCB để xây dựng phương án giá dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu theo quy định; trong đó đảm bảo tính khấu hao tài sản và phân bổ chi phí quản lý chung cho giá dịch vụ KCB theo yêu cầu, đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật về thuế TNDN.

2.6. Đề nghị Bệnh viện tăng cường phối hợp với BHXH địa phương để thanh toán kịp thời các khoản chi KBCB do BHYT chi trả còn chưa được thanh toán do vượt dự toán (109.770 triệu đồng); nghiên cứu và đề xuất với Bộ Y tế (qua Vụ Bảo hiểm y tế) các giải pháp để khắc phục tình trạng trên, đảm bảo phản ánh kịp thời các khoản thu – chi tài chính theo quy định.

Đề nghị Bệnh viện thực hiện đầy đủ các kiến nghị đã nêu tại Biên bản xét duyệt quyết toán NSNN năm 2024 của Bệnh viện và kiến nghị tại Thông báo này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị đơn vị báo cáo bằng văn bản về Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên (02);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Đỗ Xuân Tuyên;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, KH-TC4.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đức Luận

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới
(Kèm theo Thông báo số /TB-BYT ngày / 12 /2025 của Bộ Y tế)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu đơn vị
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp		
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	27.358.004.812
a	Từ NSNN cấp	02	26.189.599.212
b	Từ nguồn tài trợ	03	1.168.405.600
c	Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04	
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	27.358.004.812
a	Chi phí hoạt động	06	26.189.599.212
b	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07	1.168.405.600
c	Chi phí hoạt động thu phí	08	
3	Thặng dư/Thâm hụt (09=01-05)	09	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
1	Doanh thu	10	517.101.646.787
2	Chi phí	11	468.793.164.054
3	Thặng dư/Thâm hụt (12=10-11)	12	48.308.482.733
III	Hoạt động tài chính		
1	Doanh thu	20	1.116.149.192
2	Chi phí	21	106.181.332
3	Thặng dư/Thâm hụt (22=20-21)	22	1.009.967.860
IV	Hoạt động khác		
1	Thu thập khác	30	167.805.000
2	Chi phí khác	31	53.907.236
3	Thặng dư/Thâm hụt (32=30-31)	32	113.897.764
V	Chi phí thuế TNDN	40	1.082.899.884
VI	Thặng dư/Thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	48.349.448.473
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51	
2	Phân phối cho các quỹ	52	48.349.448.473
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	

THÔNG BÁO SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm: 2024

Đơn vị: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới

(Kèm theo Thông báo số /TB-BYT ngày / 12 /2025 của Bộ Y tế)

I- TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới		
			Tổng cộng	Loại - Khoản 130-131: Y tế dự phòng	Loại: 130 - Khoản 132: Khám bệnh, chữa bệnh
A	B	C	1=2+3	2	3
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	01			
2	Dự toán được giao trong năm	08	380.000.000	180.000.000	200.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	09			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	380.000.000	180.000.000	200.000.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	11	380.000.000	180.000.000	200.000.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	380.000.000	180.000.000	200.000.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	293.370.960	166.426.960	126.944.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	293.370.960	166.426.960	126.944.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	293.370.960	166.426.960	126.944.000
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18			
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	293.370.960	166.426.960	126.944.000
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	86.629.040	13.573.040	73.056.000
6.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	86.629.040	13.573.040	73.056.000
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28	86.629.040	13.573.040	73.056.000
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29			

PHẦN II: CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN:

		NGUỒN NGÂN SÁCH			
			293.370.960	166.426.960	126.944.000
		2. Kinh phí không tự chủ	293.370.960	166.426.960	126.944.000
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4.800.000	4.800.000	0
6600	6606	Tuyên truyền, quảng cáo	4.800.000	4.800.000	
6650		Hội nghị	110.200.000	0	110.200.000
6650	6651	In mua tài liệu	5.600.000		5.600.000
6650	6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	84.500.000		84.500.000
6650	6699	Chi phí khác	20.100.000		20.100.000
6700		Công tác phí	74.564.000	57.820.000	16.744.000
6700	6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	14.364.000	8.820.000	5.544.000
6700	6702	Phụ cấp công tác phí	36.200.000	28.000.000	8.200.000
6700	6703	Tiền thuê phòng ngủ	24.000.000	21.000.000	3.000.000
6750		Chi phí thuê mướn	4.000.000	4.000.000	0
6750	6799	Chi phí thuê mướn khác	4.000.000	4.000.000	
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	99.806.960	99.806.960	0
7000	7001	Chi mua hàng hóa vật tư	99.806.960	99.806.960	
		Tổng cộng	293.370.960	166.426.960	126.944.000